



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1507/QĐ-SYT ngày 07/10/2026 của Sở Y tế)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh	Trung tâm Pháp y tỉnh
1	2	3	4=5+...+7	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
1	Lệ phí					
	Lệ phí...					
	Lệ phí...					
2	Phí					
	Phí...					
	Phí...					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
I	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
I	Lệ phí					
	Lệ phí...					
	Lệ phí...					
2	Phí					
	Phí...					
	Phí...					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	958	958	204	48	706
I	Nguồn ngân sách trong nước	958	958	204	48	706
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0			
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ.	0	0			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0	0			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0	0			
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	0	0			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0			
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	958	958	204	48	706
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	958	958	204	48	706
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0			
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh	Trung tâm Pháp y tỉnh
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0			
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0			
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0			
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0			
1	Chi quản lý hành chính	0	0			
1.1	Dự án A	0	0			
1.2	Dự án B	0	0			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0			
2.1	Dự án A	0	0			
2.2	Dự án B	0	0			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0			
3.1	Dự án A	0	0			
3.2	Dự án B	0	0			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0			
4.1	Dự án A	0	0			
4.2	Dự án B	0	0			
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0			
5.1	Dự án A	0	0			
2.2	Dự án B	0	0			
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0			
6.1	Dự án A	0	0			
6.2	Dự án B	0	0			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0			
7.1	Dự án A	0	0			
7.2	Dự án B	0	0			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0			
8.1	Dự án A	0	0			
8.2	Dự án B	0	0			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0			
9.1	Dự án A	0	0			
9.2	Dự án B	0	0			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0			
10.1	Dự án A	0	0			
10.2	Dự án B	0	0			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0			
1	Chi quản lý hành chính	0	0			
1.1	Dự án A	0	0			
1.2	Dự án B	0	0			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0			
2.1	Dự án A	0	0			
2.2	Dự án B	0	0			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0			
3.1	Dự án A	0	0			
3.2	Dự án B	0	0			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh	Trung tâm Pháp y tỉnh
4.1	Dự án A	0	0			
4.2	Dự án B	0	0			
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0			
5.1	Dự án A	0	0			
2.2	Dự án B	0	0			
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0			
6.1	Dự án A	0	0			
6.2	Dự án B	0	0			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0			
7.1	Dự án A	0	0			
7.2	Dự án B	0	0			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0			
8.1	Dự án A	0	0			
8.2	Dự án B	0	0			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0			
9.1	Dự án A	0	0			
9.2	Dự án B	0	0			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0			
10.1	Dự án A	0	0			
10.2	Dự án B	0	0			